

Số: *215* /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *14* tháng *3* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án:
Tuyến kênh số 2, hệ thống thoát nước thành phố (bổ sung)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;
Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ



gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt dự án đầu tư công trình: Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-BQL ngày 23/3/2020 của Ban Quản lý Dự án thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt điều chỉnh thiết kế kỹ thuật – dự toán Trích đo, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác đền bù và cắm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu (Tuyến kênh số 2);

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến kênh số 2 – Hệ thống thoát nước thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số ~~142~~/TTr-TNMT ngày 10/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến kênh số 2, hệ thống thoát nước thành phố (bổ sung), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **116.648.606 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm linh sáu đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	90.090.300 đồng
+ Về đất:	17.674.900 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	851.400 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	1.116.000 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	70.448.000 đồng
- Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	26.558.306 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Tuyển kênh số 2 hệ thống thoát nước thành phố (bổ sung)

(Kèm theo Quyết định số: 215 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>	
A	Tổng cộng				116.648.606	
I	Chi trả cho chủ sở hữu				90.090.300	
1	<i>Về đất</i>				17.674.900	
2	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				851.400	
3	<i>Về cây cối hoa màu</i>				1.116.000	
4	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				70.448.000	
2	Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án (có biểu dự toán chi tiết kèm theo)				26.558.306	
B	Chi tiết cho các hộ dân				90.090.300	
1	Hộ gia đình ông Hồ Văn Dũng					
	Địa chỉ thường trú: Bản Nậm Loỏng 1 - Phường Quyết Thắng					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).					52.916.000
a	Về đất				10.360.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	280,0			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	280,0	37.000	10.360.000	
	Vị trí: vị trí 1					
	Nguồn gốc: Được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất số BQ450054 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 28/12/2014. Phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 128, TBD 12, đất giao thông đang quy chủ cho UBND phường quản lý, trên thực tế là của hộ gia đình ông Hồ Văn Dũng có cùng nguồn gốc với GCNQSD đất đã cấp, nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp					
b	Về cây cối hoa màu				1.116.000	
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3 (cây ổi)	cây	3	132.000	396.000	
2	Cây ổi bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	2	360.000	720.000	
c	Về chính sách hỗ trợ				41.440.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ	m ²	280,0	148.000	41.440.000	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hộ gia đình ông Nùng Văn Dũng				
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				37.111.400
a	Về đất				7.252.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	196,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	196,0	37.000	7.252.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất số BQ 185779 ngày 18/10/2013. Sử dụng trồng lúa ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				851.400
1	Kè đá xếp khan (15*0,4*1)	m ³	6,0	141.900	851.400
c	Về chính sách hỗ trợ				29.008.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ				
		m ²	196,0	148.000	29.008.000
3	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Mai				
	Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thanh - Thành phố Điện Biên				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				62.900
a	Về đất				62.900
1	Diện tích thu hồi	m ²	1,7		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	1,7	37.000	62.900
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Lý Văn Tiên, ông Tiên Được UBND thành phố Lai Châu cấp GCN QSD đất số BQ 185720 cấp ngày 18/10/2013. Sử dụng ổn định không tranh chấp.				



OH
n

14

12

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán trình thẩm định của TTPTQD						Giá trị dự toán thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch						Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá	Tổng dự toán	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá	Tổng dự toán (đồng)	Trong đó		
													Đã phê duyệt	Bổ sung	
b.3	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương Bq giờ: (27.77+0,5*4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng	Người/Giờ	2	2	8	61.650	1.972.800	2	1	6	61.650	739.800	739.800	739.800	
b.4	- Chi trích do địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường và cầm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình và kiểm tra nghiệm thu						9.398.049								
c	Chi cho công tác định giá đất						17.607.000					17.607.000			
d	Chi phí định giá đất cụ thể (Đã phê duyệt dự toán tại Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 02/10/2021 của UBND thành phố Lai Châu với giá trị phê duyệt là: 17.607.000 đồng)						17.607.000					17.607.000			
d	Chi lắp, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chi tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;						3.945.600					739.800		739.800	
d.1	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm. Lương Bq giờ: (27.77+0,5*4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng)	Người/Giờ	2	4	8	61.650	3.945.600	2	1	6	61.650	739.800	739.800	739.800	
d	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;						1.801.806					1.801.806		1.801.806	
d.1	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng					900.903					900.903		900.903	
d.2	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;	Đồng					360.361					360.361		360.361	
d.3	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	Đồng					360.361					360.361		360.361	
d.4	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;	Đồng					180.181					180.181		180.181	
h	Chi in ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe						9.563.500					3.869.900		3.869.900	
h.1	- Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng						2.163.500					1.683.500		1.683.500	





TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán trình thẩm định của TTPIQD						Giá trị dự toán thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch				Ghi chú		
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá	Tổng dự toán	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)		Trong đó	
														Đã phê duyệt	Bổ sung
h.2	- Chi mức máy photocopy, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in						1.900.000				900.000		900.000		
h.3.1	- Chi xăng xe cho công chức, viên chức (500.000 đồng/tháng) năm 2021	Người	11		1	500.000	5.500.000	8	2	3	26.800	1.286.400	1.286.400		
k	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp tới công tác bồi thường GPMB (theo Quyết định giao dự toán số 235/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 và Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu						6.400.000					1.600.000	1.600.000		

2021.03

